

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI

Số: 73/2005/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ban hành Chương trình đào tạo an ninh hàng không dân dụng

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26/12/1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20/4/1995;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2000/NĐ-CP ngày 03/5/2000 của Chính phủ ban hành Quy chế bảo đảm an ninh hàng không dân dụng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo an ninh hàng không dân dụng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHƯƠNG TRÌNH

ĐÀO TẠO AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2005/QĐ-BGTVT,

ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu chung Chương trình

1. Nhằm đào tạo người làm công tác an ninh hàng không dân dụng có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ an ninh hàng không dân dụng.
2. Bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh cho cán bộ, nhân viên an ninh hàng không và các cá nhân làm việc tại các vị trí liên quan đến công tác đảm bảo an ninh đối với hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.
3. Thống nhất nội dung, thời lượng giảng dạy; phân cấp giảng dạy cho các cơ sở thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo từng chương trình cụ thể.

Điều 2. Hệ thống Chương trình đào tạo an ninh hàng không dân dụng

Hệ thống đào tạo an ninh hàng không dân dụng bao gồm:

1. Chương trình đào tạo cơ bản nghiệp vụ an ninh hàng không (hệ đào tạo nghề dài hạn);
2. Chương trình đào tạo cơ bản nghiệp vụ an ninh hàng không (hệ đào tạo nghề ngắn hạn);
3. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát an ninh hàng không;
4. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không;
5. Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý khủng hoảng an ninh hàng không;
6. Chương trình bồi dưỡng giáo viên an ninh hàng không;
7. Chương trình bồi dưỡng thanh tra an ninh hàng không;
8. Các chương trình bồi dưỡng kiến thức an ninh hàng không;
9. Chương trình khóa bồi dưỡng định kỳ và nâng cao.

CHƯƠNG II

CHƯƠNG TRÌNH CÁC KHÓA ĐÀO TẠO

AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 3. Chương trình đào tạo cơ bản nghiệp vụ an ninh hàng không (hệ đào tạo dài hạn)

1. Mục tiêu: Trang bị cho học viên hệ thống kiến thức vững vàng, thành thạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ kiểm soát an ninh; kiểm tra, soi chiếu an ninh
2. Đối tượng:

- a) Công dân Việt Nam từ 18 đến 30 tuổi;
- b) Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;
- c) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng;
- d) Không có tiền án, tiền sự, hoặc đang chịu sự quản chế của các cơ quan pháp luật;
- đ) Có đủ sức khỏe theo quy định;
- e) Nam cao từ 1,65 m trở lên, nữ cao từ 1,58 m trở lên;
- g) Ngoại hình cân đối, không có dị tật ở mặt, không nói lắp, nói ngọng;
- h) Thị lực mỗi mắt 10/10 (không đeo kính).

3. Thời gian đào tạo: 18 tháng.

4. Nội dung chương trình: Khóa đào tạo được thực hiện với nội dung và thời gian theo quy định trong các bảng sau:

a) Phân phối thời gian toàn khóa đào tạo

STT	Nội dung các hoạt động trong kế hoạch đào tạo	Số tuần	Tỷ lệ thời gian đào tạo
1	Thời gian học tập	68	87,2%
	- Thời gian thực học	63	80,7%
	- Ôn thi (học kỳ, hết môn, tốt nghiệp)	5	6,5%
2	Thời gian cho các hoạt động chung	10	12,8%
	- Khai, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học	1	
		7	
	- Nghỉ hè, lễ, tết	2	
	Lao động công ích, dự phòng		
Tổng cộng		78 tuần	100%

b) Phân phối thời gian các môn học

--	--	--	--

STT	Nội dung	Số tuần	Số tiết
I.	Các môn học chung	10 = 12,7%	270
1	Chính trị	1,8	45
2	Pháp luật	0,6	15
3	Giáo dục thể chất	1,2	45
4	Giáo dục quốc phòng	1,6	45
5	Tin học cơ bản	1,8	45
6	Tiếng Anh giao tiếp	3	75
II.	Các môn học cơ sở	11,2 = 14,4%	284
1	Giới thiệu khái quát về ngành hàng không dân dụng	1,2	30
2	Giới thiệu về cảng hàng không, tàu bay	0,6	15
3	Pháp luật đại cương	2,4	60
4	Pháp luật về an ninh hàng không	1,96	49
5	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	1,2	30
6	Công tác quản lý điều hành bay	0,8	20
7	Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không	1,2	30
8	An toàn sân đỗ cảng hàng không	1,2	30
9	Cơ cấu tổ chức của cảng hàng không, hãng hàng không, trung tâm quản lý bay dân dụng Việt Nam	0,8	20
III	Các môn học chuyên ngành	41,8 = 53,6%	1160
1	Võ thuật	7,3	220
2	Tiếng Anh chuyên ngành an ninh hàng không	6,4	160

3	Nghệp vụ cơ bản về an ninh hàng không	9,2	230
3.1	Thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm	1	25
3.2	Bảo vệ hiện trường	1,2	30
3.3	Công tác xác minh, báo cáo vụ việc, cách lập biên bản vụ việc	1,6	40
3.4	Thiết bị an ninh hàng không	1,4	35
3.5	Hàng hóa nguy hiểm	1,2	30
3.6	Vũ khí và thiết bị phá hoại; cách sử dụng vũ khí và công cụ hỗ trợ	1,8	45
3.7	Các loại khẩn nguy và phòng chống cháy, nổ	1	25
4.	Nghệp vụ chuyên ngành an ninh hàng không	14	350
4.1	Nghệp vụ kiểm soát an ninh	7,6	190
4.1.1	Tuần tra và canh gác	1,6	40
4.1.2	Hộ tống người và hàng	1,4	35
4.1.3	Bảo vệ tàu bay	1,4	35
4.1.4	Duy trì an ninh khu vực nhà ga	1,4	35
4.1.5	Kiểm soát ra vào đối với người và phương tiện giao thông	1,8	45
4.2	Nghệp vụ kiểm tra, soi chiếu	6,4	160
4.2.1	Kiểm tra, soi chiếu an ninh	3,6	90
4.2.2	Kiểm tra trực quan hành khách	1,4	35
4.2.3	Kiểm tra trực quan hành lý, hàng hóa	1,4	35